TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/ HNGĐ - ST
Ngày 21/4/2023
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Kim Quỳnh;

2. Bà Vi Thị Ngọc Diệp.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa***:* Bà Hoàng Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***** Bị đơn: Anh **Tạ Văn N**, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1/ Ông **Lường Văn H**– SN: 1972; trú tại: Thôn Qu, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

2/ Bà **Vi Thị Ư** – SN: 1973; trú tại: Thôn Qu, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn.

3/ Bà **Hoàng Thị Qu** – SN: 1975; HKTT: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

4/ Anh **Phạm Văn Ch**; trú tại: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Tạ Văn N trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn ngày 10/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà chồng tại Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Nhưng đến tháng 06/2022 thì vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng do chị muốn đi làm công nhân ở xa nhưng anh N không cho đi và còn thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới và đã có lần vợ chồng xảy ra xô sát. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được 01 tháng thì anh Tạ Văn N đến xin lỗi và đón hai mẹ con về nhưng chỉ được 1-2 tuần thì anh N lại chứng nào tật ấy, vẫn cứ ghen tuông vô cớ và chửi bới khiến chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, chị không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa và lại đem con về nhà ngoại sinh sống cho đến nay.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai người.Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Tạ Văn N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020. Hiện tại con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, đang sống cùng chị. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị H không yêu cầu anh Tạ Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Tạ Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho mẹ đẻ của anh Tạ Văn N là bà Hoàng Thị Qu và bà Qu đã cam

đoan sẽ có trách nhiệm giao lại hoặc thông báo cho anh N biết về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Tạ Văn N không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của N.

Tại các Biên bản xác minh ngày 26/12/2022 và ngày 19/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Anh Tạ Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú và là công dân sinh sống tại Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn anh Tạ Văn N và chị Lường Thị H sinh sống cùng nhau tại Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian chung sống, những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, bình thường nhưng từ tháng 7/2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì thôn, xã không nắm được do anh N và chị H không đề nghị thôn, xã hòa giải việc mâu thuẫn của anh chị. Vợ chồng anh N, chị H đã sống ly thân khoảng nửa năm nay. Chị H mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh N cũng mới đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương. Kể từ khi chị H mang con về nhà ngoại cho đến nay thì không quay lại nhà chồng sinh sống.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là bố mẹ đẻ của chị H; mẹ đẻ của anh N và hàng xóm sống gần nhà thì họ đều cho biết chị H và anh N kết hôn vào đầu năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn chị H và anh N về chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó do có mâu thuẫn nên từ tháng 9 năm 2022, chị H đã mang cháu Tạ Hiền Nh về sống cùng bố mẹ đẻ của chị H ở Thôn Qu, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn cho đến nay. Còn anh N cũng bỏ đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương. Chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không còn đi lại, quan tâm nhau nữa. Gia đình hai bên nội, ngoại đã nhiều lần can thiệp, khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh N ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, khó có thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án,

không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lường Thị H, xử cho chị Lường Thị H được ly hôn với anh Tạ Văn N.

Về con chung: Giao con chung Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020 (Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị H không yêu cầu anh Tạ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lường Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", bị đơn anh Tạ Văn N có địa chỉ cư trú tại Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; những người làm chứng vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị H kết hôn với anh Tạ Văn N trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn ngày 10/02/2020. nên xác định quan hệ hôn nhân của chị H và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên từ tháng 9 năm 2022, chị H đã mang cháu Tạ Hiền Nh về sống cùng bố mẹ đẻ của chị H ở Thôn Qu, xã Th, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn cho đến nay. Còn anh N cũng bỏ đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương. Chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không còn đi lại, quan tâm nhau nữa. Gia đình hai bên nội, ngoại đã nhiều lần can thiệp, khuyên giải nhưng không có kết quả.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh về tình trạng hôn nhân của chị H và anh N, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là thực tế và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh N đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều đó thể hiện anh N không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy việc chị H xin ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3]Về con chung: Chị Lường Thị H và anh Tạ Văn N có 01 con chung tên Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020. Hiện tại con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường, đang sống cùng chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tính đến thời điểm xét xử vụ án thì con chung Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020 đang sinh sống ổn định cùng với mẹ, cháu còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu lại là con gái do vậy việc giao con cho mẹ cháu là chị

Lường Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn vừa đảm bảo cho cháu ổn định tâm sinh lý và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần đồng thời lại phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác anh Tạ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N về việc nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Nh vẫn sống ổn định cùng chị H, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Chị H có đủ điều kiện đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, hơn nữa mẹ con chị H lại được sự trợ giúp, tạo điều kiện của bố mẹ đẻ chị H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Hiền Nh, việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lường Thị H. Chị Lường Thị H được ly hôn với anh Tạ Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Tạ Hiền Nh, sinh ngày 19/8/2020 (Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị H không yêu cầu anh Tạ Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lường Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5.Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002221 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lường Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND xã N, TP B (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu